TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST
Ngày 15-6-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Yến

Ông Trần Thế Sự

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thu H, sinh năm 1987, nơi cư trú: Số 11B ngõ 90 tổ dân phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986; nơi cư trú: Số 11B ngõ 90 tổ dân phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ghi ngày 26-02-2021, Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Ngọc Hải (nay là phường Hải Sơn), quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng vào ngày 19-11-2008. Sau khi kết hôn anh chị sống cùng nhau tại tổ dân phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hải

Phòng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự chia sẻ với nhau; nguyên nhân chủ yếu là do anh Đ không cùng chị phát triển xây dựng kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái, từ nhiều năm nay anh Đ thường xuyên chơi bời, nợ nần, cầm cố tài sản. Chị đã khuyên nhủ, vay tiền trả nợ, giúp anh Đ có thể thay đổi để vợ chồng cùng nhau xây dựng phát triển cuộc sống gia đình nhưng không được. Cuộc sống của gia đình rơi vào khó khăn về tài chính, không có hạnh phúc. Vì vậy, từ tháng 5-2019 đến nay chị và anh Đ mặc dù vẫn sống cùng nhà nhưng đã ly thân, vợ chồng không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa. Gia đình hai bên cũng đã tác động, khuyên giải, giúp anh chị giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Hà A, sinh ngày 01-01-2010. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị nhận nuôi con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/ tháng. Tuy nhiên, tại đơn đề nghị ngày 17-5-2021, chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn không hợp tác, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn để thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, cũng không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án.

Theo các tài liệu, chứng cứ Tòa án xác minh, thu thập thể hiện: Quá trình chung sống, chị H và anh Đ xảy ra mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hợp nhau, anh Đ ham chơi, ít quan tâm đến vợ con; mặc dù gia đình hai bên đã phân tích, động viên, tìm nhiều biện pháp giúp chị H và anh Đ giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Thời gian gần đây, chị H và anh Đ đã không còn chung sống cùng nhau nữa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt hai lần tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Ngọc Hải (nay là phường Hải Sơn), quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng vào ngày 19-11-2008. Trong quá trình chung sống, giữa chị H và anh Đ xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống; hai bên gia

đình đã tác động, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện tại, chị H và anh Đ đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Như vậy, chị H và anh Đ đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Đ đến làm việc, tổ chức phiên hòa giải nhưng anh Đ đều vắng mặt. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị H và anh Đ đã trầm trọng, không thể đoàn tụ, đời sống chung không còn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H với anh Đ.

Về con chung và cấp dưỡng: Chị H và anh Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Hà A, sinh ngày 01-01-2010. Chị H đề nghị được nuôi con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/ tháng nhưng đến nay chị H không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con; anh Đ không có ý kiến gì về việc nuôi con. Xét, chị H có nghề nghiệp, thu nhập, chỗ ở ổn định; anh Đ thường xuyên vắng nhà, không có ý kiến về việc nuôi con; cháu Hà A có nguyện vọng được ở với mẹ nên việc giao cháu Hà A cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo sự phát triển tốt nhất của cháu Hà A. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình, giao cháu Nguyễn Hà A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung, chị H không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ, cư trú tại: Số 11B ngõ 90 tổ dân phố Thống Nhất, phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là chị Bùi Thu H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b

khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Hải (nay là phường Hải Sơn), quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng vào ngày 19-11-2008 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn nên hiện nay chị H và anh Đ đã sống ly thân, không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình; vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do, thể hiện anh Đ không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H. Vì vậy, yêu cầu của chị H đề nghị được ly hôn với anh Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị H và anh Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Hà A, sinh ngày 01-01-2010. Từ khi chị H và anh Đ sống ly thân, cháu Hà A ở với chị H. Hiện tại chị H có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định, đảm bảo đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con; cháu Hà A có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, yêu cầu của chị H về việc giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hà A, sinh ngày 01-01-2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007187 ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Trường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hồng Thơm **Lê Quốc Thanh** **Phạm Hữu Trường**